

Bản án số: 1159/2018/DS-PT  
Ngày 30-11-2018  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và tranh  
chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho  
quyền sử dụng đất vô hiệu

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Minh.

*Các Thẩm phán:* Bà Quách Thanh Bình;

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5326/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H; cư trú tại: Nhà số E, Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà X; cư trú tại: Nhà số M, Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông T

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông V1 (vắng mặt);

- Ông V2 (vắng mặt);

- Ông S (vắng mặt);

- Bà G (vắng mặt);

- Bà B (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông V1, ông V2, ông S, bà G, bà B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông M (chết tháng 3/2018).

- Ông P (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông T, ông P, ông Đ, ông V1, ông V2, ông S, bà G và bà B: Ông H, địa chỉ: Số E, Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông P, ông Đ, ông V1, ông V2, ông S, bà G và bà B (được ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2017 và ngày 18/4/2018).

- Ông L (có mặt).

Địa chỉ: Số Q, Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà K (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, Tổ Y, Ấp I, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông T1 (có mặt);

- Ông U (có mặt);

- Bà Y (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: Số C, đường K, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng Công chứng R (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường D, khu phố K, thị trấn X, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông H; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông L, ông P, ông T, ông M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/4/2015, lời khai của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông P, ông T, ông M và ông Đ là ông H thì:

Cha mẹ của Ông là ông O (sinh năm 1915, chết năm 2013) và bà D (sinh năm 1922, chết năm 2013) có 08 người con là: ông Q (sinh năm 1945, chết năm 2014, có vợ là bà X và có 03 người con là: Ông T1, ông U, bà Y); ông M (sinh

năm 1945, chết năm 2018, có vợ là bà B và 04 người con là bà G, ông V1, ông V2, ông S); ông T; ông Đ; ông P; bà K; ông L và ông H.

Ngày 01/11/2012, ông O và bà D có lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R), nội dung tặng cho quyền sử dụng đất đối với 3.410,3 m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65 tại xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 898104, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00229/16 cấp ngày 05 tháng 03 năm 2007); quyền sử dụng đất đối với 5.447 m<sup>2</sup> đất, thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95, 113, 114, 115, 116, 117, tờ bản đồ số 13 tại xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2143/QSDĐ/ĐGQĐ45 cấp ngày 16 tháng 11 năm 2000) cho ông Q. Năm 2013, ông O và bà D chết không để lại di chúc, có để lại 23 con bò sữa lớn nhỏ trị giá khoảng 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) và một căn nhà nằm trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65, trị giá khoảng 80.000.000 đ (tám mươi triệu đồng). Hiện nay, căn nhà, các thửa đất nêu trên và đàn bò sữa do bà X và các con của bà X đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ông không biết việc tặng cho nêu trên cho đến sau khi ông Q mất, khi thực hiện hợp đồng tặng cho cha mẹ Ông đã già, thường xuyên bệnh tật, cha Ông không còn minh mẫn. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01 tháng 11 năm 2012 do Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R) lập và chia thừa kế đối với các tài sản nêu trên theo pháp luật, riêng căn nhà thờ nhỏ dùng vào việc thờ cúng thì Ông không yêu cầu chia. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế của ông O và bà D thì Ông đồng ý nhận chung phần di sản mà Ông và ông L, ông T, ông M, ông P, ông Đ được chia theo pháp luật.

Theo lời khai của bị đơn – bà X thì: Bà là vợ của ông Q (chết năm 2014), có 03 người con chung như nguyên đơn trình bày. Bà đồng ý với nội dung quan hệ nhân thân của ông O và bà D, Bà không đồng ý với trình bày về di sản thừa kế của nguyên đơn. Năm 2013, bố mẹ chồng của Bà là ông O và bà D chết, có để lại một số tài sản gồm: Phần đất ruộng có diện tích là 7.604 m<sup>2</sup> tại địa chỉ xã V, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh do bà D đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L461098, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 2139/QSDĐ, ngày 31 tháng 10 năm 1998, phần đất này sau khi ông O, bà D chết thì các em chồng Bà đã buộc Bà đã phải giao lại toàn bộ phần đất này để chia cho 8 người con của ông O và bà D, mỗi người được hưởng là 950,50 m<sup>2</sup>; Phần tài sản của bà D chết để lại gồm một số vòng vàng nữ trang cụ thể là 01 dây chuyền vàng, 01 cái kiềng và hai cái vòng đeo tay, sau khi ông O, bà D chết thì Bà đã giao lại toàn bộ số vàng này cho ông L, ông L tự đem bán hết về chia đều cho 8 người, mỗi người được số tiền là 1.000.000 đ (một triệu đồng). Đối với 3.410,3 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65 tại xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH898104, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00229/16 cấp ngày 05 tháng 03 năm 2007), trên đất có một căn nhà thờ nhỏ dùng vào việc thờ cúng và 5.447 m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95, 113, 114, 115, 116, 117, tờ bản đồ số 13

tại xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2143/QSĐĐ/ĐGQĐ 45 cấp ngày 16 tháng 11 năm 2000) thì: Ngày 01/11/2012, ông O và bà D đã lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R), nội dung tặng cho quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên cho ông Q. Khi thực hiện việc công chứng, ông Q có thông báo cho bà K để đi cùng nhưng do bà K bận việc nên không đến được. Sau khi được tặng cho, ông Q làm thủ tục đăng ký biến động đối với các diện tích đất nêu trên và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X chứng nhận biến động vào ngày 27/11/2012. Ngày 11/10/2014, ông Q chết do tai nạn giao thông, không để lại di chúc. Sau khi ông O, bà D, ông Q chết, bà X và các con đã quản lý, sử dụng ổn định nhà và đất nêu trên cho đến nay. Do đó, Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế đối với các diện tích đất nêu trên. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế của ông O và bà D thì bà X, ông T1, ông U và bà Y đồng ý cùng nhận phần di sản mà ông Q được chia theo pháp luật.

Đối với đàn bò sữa tổng số 23 con bò sữa lớn nhỏ: Khi ông O và bà D còn sống, có nuôi 02 (hai) con bò vàng nhưng đã già và chết trước khi ông O và bà D chết, số bò sữa hiện có là của gia đình Bà, không phải là di sản để lại của ông O, bà D.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông L thì: Ông là con của ông O và bà D. Ông thống nhất với ý kiến của nguyên đơn – ông H. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế của ông O và bà D thì Ông đồng ý nhận chung phần di sản mà Ông và ông H, ông Đ, ông T, ông M, ông P được chia theo pháp luật.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông T1, ông U và bà Y thì: Các ông bà là con của ông Q và bà X. Các ông bà thống nhất với ý kiến của bị đơn – bà X. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế của ông O và bà D thì bà X, ông T1, ông U và bà Y đồng ý cùng nhận phần di sản mà ông Q được chia theo pháp luật.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà K thì: Bà là con của ông O và bà D. Bà có biết về việc cha mẹ Bà ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên cho ông Q, do ông Q có gọi điện báo cho bà Biết nhưng Bà bận việc nên không đi được. Bà thấy việc cha mẹ bà là ông O và bà D tặng cho tài sản nêu trên cho ông Q và bà X là đúng, bà không có ý kiến gì thêm. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế của ông O và bà D thì Bà đồng ý không nhận phần di sản Bà được chia mà yêu cầu chia đều cho mọi người.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà H1, ông T2, bà A thì: Các ông bà đồng ý với lời khai của nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ: Xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh. Các ông bà xác định công trình xây dựng, ký hiệu là nhà tường tôn có diện tích 76,1 m<sup>2</sup> tại địa chỉ trên (theo Bản vẽ số 4685/TP/2018 ngày 20/5/2018 do công ty

TNHH thiết kế, xây dựng, đo đạc TP lập) là do bà H1 xây dựng trên phần đất của ông O và bà D cho bà H1 từ khoảng năm 2010. Bà H1, ông T2 và bà A đã sinh sống ổn định trên đất trên từ năm 2010 cho đến nay, trong quá trình sinh sống, các ông bà đã có xây dựng căn nhà tường tôn trên đất, nhưng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế di sản của ông O và bà D có bao gồm phần diện tích nhà và đất mà bà H1, ông T2 và bà A đang quản lý, sử dụng, thì các ông bà sẽ tự thỏa thuận với các đồng thừa kế của ông O, bà D, nếu có tranh chấp thì các ông bà sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

Theo Biên bản định giá ngày 08/7/2015 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện Củ Chi lập thì:

- Nhà đất số 65, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ 65 có giá trị: Khu nhà ở và khu chuồng bò 1, 2, 3: đương sự không yêu cầu định giá; Khu đất ở có diện tích 95 m<sup>2</sup> và Khu đất trồng cây lâu năm có diện tích 3.315,3 m<sup>2</sup>: 400.000đ/m<sup>2</sup>; tổng giá trị: 1.364.120.000 đ;

- Phần đất ruộng tại xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 92, 93, 94, 95, 113, 114, 115, 116, 117, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.447m<sup>2</sup> có giá trị: 100.000đ/m<sup>2</sup>; tổng giá trị: 544.700.000 đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi quyết định:

“1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm ông T, ông M, ông P và ông L về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01 tháng 11 năm 2012 do Văn phòng công chứng A lập và yêu cầu bị đơn bà X phải chia thừa kế 02 phần đất: Phần đất ruộng có diện tích là 5.447 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 621840 Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 2143/QSDĐ/ĐGQĐ 45, ngày 16 tháng 11 năm 2000 cấp cho ông O sang tên cho ông Q ngày 27/10/2012 đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X xác nhận chia làm 8 phần, phần mỗi người yêu cầu được hưởng là 680 m<sup>2</sup>; Phần đất vườn trồng cây lâu năm có diện tích là 3.410,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH898104, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00229/16, ngày 05 tháng 03 năm 2007 cấp cho ông O, sang tên cho ông Q ngày 27/10/2012 đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện X xác nhận chia làm 8 phần, phần mỗi người yêu cầu được hưởng là 426m<sup>2</sup>, căn cứ theo 02 Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH Thiết Kế Đo Đạc Xây Dựng HP lập ngày 11/01/2016 và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X duyệt số 281 và 282.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm ông T, ông M, ông P và ông L về việc yêu cầu bà X phải chia thừa kế phần tài sản là đàn bò sữa 23 con, chia làm 8 phần, phần mỗi người yêu cầu được hưởng là 02 con bò sữa có giá trị là 35.130.434 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng).

### 3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông H phải nộp án phí là 13.676.522 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông H đã nộp là 4.715.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000373, ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông H còn phải nộp tiếp số tiền là 8.961.522 đồng (Tám triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông T phải nộp án phí là 13.676.522 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là: 4.740.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000986, ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông T còn phải nộp tiếp số tiền là 8.936.522 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông M phải nộp án phí là 13.676.522 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp là 4.740.000 đồng theo Biên lai thi tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000985, ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông M còn phải nộp tiếp số tiền là 8.936.522 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông P phải nộp án phí là 13.676.522 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 4.740.000 đồng theo Biên lai thi tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000984, ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông P còn phải nộp tiếp số tiền là 8.936.522 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông L phải nộp án phí là 13.676.522 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là : 4.740.000 đồng theo Biên lai thi tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000983, ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông L còn phải nộp tiếp số tiền là 8.936.522 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

- Bị đơn bà X không phải nộp án phí.”

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/02/2017, nguyên đơn – ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông M, ông T, ông L, ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Hủy hợp đồng tặng cho giữa ông O, bà D với ông Q; chia đều đàn bò cho tám người con mỗi người hai con; yêu cầu giữ lại căn nhà làm nhà thờ chung, không ai được sở hữu riêng.

Ngày 09/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng nghị: Do quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và buộc họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngày 15/3/2018, nguyên đơn – ông H, đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông P, ông T, ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đ có đơn rút lại yêu cầu kháng cáo chia đàn bò sữa; Ngày 21/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông L có đơn rút lại yêu cầu kháng cáo chia đàn bò sữa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – ông H, đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông Đ, ông P, ông T, ông M trình bày: Ông rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu chia đàn bò sữa 23 con, Ông yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01 tháng 11 năm 2012 do Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R) lập và chia thừa kế đối với các tài sản nêu trên theo pháp luật, riêng căn nhà thờ nhỏ dùng vào việc thờ cúng và chuồng bò mà bà X đang sử dụng thì Ông không yêu cầu chia. Đối với nhà đất bà H1 đang sử dụng trên diện tích đất tranh chấp, các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông L trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của nguyên đơn – ông H.

Bị đơn – bà X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông T1, ông U thống nhất trình bày: Các ông bà không đồng ý với yêu cầu của ông H, ông L và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trong quá trình sử dụng nhà đất nêu trên, bà X chỉ có chống đột đối với chuồng bò, không có xây dựng, sửa chữa gì khác nên không có yêu cầu chia công sức đóng góp đối với di sản nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi và đơn kháng cáo của ông H; ông L, ông P, ông T, ông M còn trong thời hạn quy định.

Về nội dung: Hợp đồng tặng cho giữa ông O, bà D với ông Q là phù hợp quy định pháp luật. Nguyên đơn – ông H yêu cầu hủy hợp đồng với lý do ông O, bà D không còn minh mẫn là không có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu chia phần đất có nhà của bà H1, tuy bà H1 có lời khai không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nhưng cần phải đưa vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đây là tình tiết mới, do đó, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, không chấp nhận kháng cáo của ông H, ông L, ông T, ông P, ông M và hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, ông L rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu chia đàn bò sữa, nên Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo đối với yêu cầu nêu trên và quyết định của Bản án sơ thẩm đối với yêu cầu nêu trên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Bà H1 và các con của bà H1 là bà A, ông T2 và nguyên đơn – ông H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông L, ông P, ông T, ông Đ, bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S đã thống nhất ý kiến là các đương sự tự thỏa thuận giải quyết đối với nhà đất bà H1 đang quản lý, sử dụng trên diện tích đất tranh chấp. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên bà H1 và các con bà H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên để hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại để đưa bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 002066/HĐ-TAQSDĐ ngày 01/11/2012 tại Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R), thì ông O và bà D đã tặng cho ông Q 3.410,3 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65, tại xã V, huyện X (theo Giấy chứng nhận số AH898104, sổ vào sổ H00229/16 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 05/3/2007) và 5.447 m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95, 113, 114, 115, 116, 117, tờ bản đồ số 13, tại xã V, huyện X (theo Giấy chứng nhận số Q621840, sổ vào sổ 2143QSĐĐ/ĐGQĐ45 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 16/11/2000).

[4] Căn cứ Giấy chứng nhận số AH898104, sổ vào sổ H00229/16 ngày 05/3/2007 và Giấy chứng nhận số Q621840, sổ vào sổ 2143QSĐĐ/ĐGQĐ45 ngày 16/11/2000 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông O thì do ông O và bà D đã chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987 và các diện tích đất nêu trên có được sau khi kết hôn nên đây là tài sản chung của ông O và bà D, theo quy định tại điểm c.1, Khoản 1, Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính Phủ và Khoản 1, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 4694/2017/KLGD ngày 29/11/2017 đối với ông O và Công văn số 27/TTPYTTKV ngày 15/3/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh trả lời kết quả giám định đối với ông O thì: Do đương sự (ông O) bị nhồi máu não 02 lần gây tổn thương không hồi phục não kèm theo teo não dẫn đến sa sút tâm thần mức độ nặng. Bệnh lý nặng diễn tiến theo mức độ ngày một nặng và không hồi phục, nên từ khi xuất viện (ngày 30/8/2012) đến ngày 01/11/2012, đương sự vẫn trong tình trạng bệnh trạng như trước và không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vào thời điểm xác lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên, ông O không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 002066/HĐ-TAQSDĐ ngày 01/11/2012 vô hiệu một phần đối với phần tặng cho quyền sử dụng đất của ông O là 1/2 tổng diện tích đất trong hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm ông T, ông M, ông P và ông L, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSDĐ, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01 tháng 11 năm 2012 do Văn phòng công chứng A lập và yêu cầu chia thừa kế đối với các quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

[6] Do Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 002066/HĐ-TAQSDĐ ngày 01/11/2012 vô hiệu một phần đối với phần tặng cho quyền sử dụng đất của ông O là 1/2 tổng diện tích đất trong hợp đồng, nên những người thừa kế của ông Q là vợ ông Q – bà X và các con của ông Q – ông T1, ông U, bà Y được hưởng phần quyền sử dụng đất mà ông Q được bà D tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 002066/HĐ-TAQSDĐ ngày 01/11/2012 là 1/2 tổng diện tích đất trong hợp đồng, gồm: 1.705,15 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 8-1, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 và 2.723,5 m<sup>2</sup> đất lúa màu thuộc một phần thửa đất số 92-1, 93-1, 113-1, 114-1, 115-1, 116, 117, tờ bản đồ số 13 (thửa đất mới số 181-1, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018.

[7] Đối với 1/2 tổng diện tích đất còn lại gồm 1.705,15 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 và 2.723,5 m<sup>2</sup> đất lúa màu thuộc một phần các thửa đất số 92, 93, 94, 95, 113, 114, 115, 116, 117, tờ bản đồ số 13 (thửa đất mới số 181, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 là di sản của ông O, do ông O không lập di chúc nên được chia thừa kế theo pháp luật.

[8] Căn cứ Bản sao Giấy chứng tử số 111/CT, quyền số 01/2013 ngày 23/10/2013 của ông O; Bản sao Giấy chứng tử số 23/CT, quyền số 01/2013 ngày 08/3/2013 của bà D; Bản sao Giấy khai sinh số 352/KS, quyền số 02/2004 ngày 25/11/2004 của ông H do Ủy ban nhân dân xã V, huyện X cấp; Xác nhận quan hệ nhân thân ngày 21/01/2015 của ban nhân dân Ấp I, xã V và lời khai thống nhất của các đương sự thì những người thừa kế của ông O gồm: Ông Q, ông M, ông P, ông Đ, ông T, ông H, ông L và bà K nên mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế của ông O là quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, 2, Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điểm a, Khoản 1, 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Do bà K tự nguyện không nhận phần thừa kế của Bà được chia mà yêu cầu chia đều phần thừa kế của Bà cho các anh em, nên các ông Q, ông M, ông P, ông Đ, ông T, ông H và ông L mỗi người được hưởng thêm 1/7 của phần thừa kế mà bà K được chia theo quy định tại Khoản 2, Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, tổng cộng, ông Q, ông M, ông P, ông Đ, ông T, ông H và ông L mỗi người được hưởng là 1/7 ( $1/8 + 1/7 \times 1/8$ ) di sản thừa kế của ông O là quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên.

[10] Căn cứ Bản sao Giấy chứng tử số 103/CT, quyền số 01/2014 ngày 23/10/2014 của ông Q; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 724, quyền số 02 ngày 18/01/1989 của ông Q và bà X; Bản sao Giấy khai sinh số 983, quyền số 03 ngày 25/3/1986 của ông U; Bản sao Giấy khai sinh số 468, quyền số 02, ngày 03/11/1982 của ông T1; Bản sao Giấy khai sinh số 1591KS, quyền số 01/96 ngày 20/9/1996 của bà Y; Bản sao Trích lục khai tử số 342/TLKT-BS ngày 19/3/2018 của ông M; Bản sao Giấy khai sinh số 535, quyền số 01 ngày 06/10/1978 của ông V2; Bản sao Giấy khai sinh số 460/GKS, quyền số I năm 81, của bà G do Ủy ban nhân dân xã V, huyện X cấp; Bản sao Giấy khai sinh số 408/GKS, quyền số I năm 81 ngày 09/9/1981, của ông S; Bản sao Giấy khai sinh số 409/GKS, quyền số I năm 81 ngày 09/9/1981 của ông V1 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp; Sổ hộ khẩu số 31130001736 của chủ hộ - ông Q; Sổ hộ khẩu số 31130002040 của chủ hộ - ông M; Biên bản xác minh quan hệ nhân thân của ông Q ngày 26/11/2018; Biên bản xác minh quan hệ nhân thân của ông M ngày 26/11/2018 và lời khai thống nhất của các đương sự thì ông Q chết năm 2014, ông M chết năm 2018 là sau thời điểm người để lại di sản – ông O và bà D chết (năm 2013) nên những người thừa kế của ông Q là vợ – bà X và các con – ông T1, ông U, bà Y được hưởng phần di sản mà ông Q được chia và những người thừa kế của ông M là vợ – bà B và các con – ông V2, bà G; ông V1; ông S được hưởng phần di sản mà ông M được chia theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điểm a, Khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Ông H, ông L, ông T, ông P, ông Đ và ông M mỗi người được hưởng 1/7 di sản thừa kế của ông O là quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên. Ông H, ông L, ông T, ông P, ông Đ và những người thừa kế của ông M là vợ – bà B và các con – ông V2; bà G; ông V1; ông S thống nhất thỏa thuận nhận

chung phần diện tích đất tương ứng với 6/7 di sản thừa kế của ông O là quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên. Như vậy, di sản của ông O được chia như sau:

- Chia cho ông H, ông T, ông L, ông P, ông Đ và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S được quyền sử dụng 1.461,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 2 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 và được quyền sử dụng 2.334,4 m<sup>2</sup> đất lúa màu thuộc thửa đất số 92-2, 93-2, 113-2, 114-2, 115-2, 94, 95, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 181-2, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 2 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018.

- Chia cho những người thừa kế của ông Q là bà X, ông U, ông T1 và bà Y được quyền sử dụng 243,55 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (bao gồm 95 m<sup>2</sup> đất ở) thuộc một phần thửa đất số 08-1, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 và được quyền sử dụng 389,1 m<sup>2</sup> đất lúa màu thuộc một phần thửa đất số 92-1, 93-1, 113-1, 114-1, 115-1, 116, 117, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 181-1, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018.

Tổng cộng những người thừa kế của ông Q là bà X, ông T1, ông U và bà Y được quyền sử dụng 1.948,7 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 8-1, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP vẽ ngày 20/5/2018 và được quyền sử dụng 3.112,6 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 92-1, 93-1, 113-1, 114-1, 115-1, 116, 117, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 181-1, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP vẽ ngày 20/5/2018.

Các ông bà nêu trên phải chấp hành quy định của pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

[12] Đối với căn nhà thờ chung, các vật dụng dùng vào việc thờ cúng trong nhà, chuồng bò thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh: Do tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn – ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khác không yêu cầu chia, bị đơn – bà X không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[13] Căn cứ Khoản 1, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1, 4, 6, 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và và Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu chia thừa kế không được Tòa án chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc

nguyên đơn – ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông M, ông T, ông L, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu chia thừa kế không được Tòa án chấp nhận là không đúng quy định pháp luật.

[14] Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông M, ông T, ông L, ông P và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 29; Khoản 1, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 7, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và đơn giá đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 08/7/2015 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện Củ Chi lập thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế, cụ thể:

- Các ông bà: Bà X, ông U, ông T1 và bà Y phải chịu 6.816.500 đ (sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Các ông bà: Ông H; ông T; ông L; ông P; ông Đ và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S phải chịu 40.904.000 đ (bốn mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – Ông H; ông T; ông L; ông P và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất công chứng số 002066/HĐ-TAQSD, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01 tháng 11 năm 2012 do Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng R) lập giữa ông O, bà D và ông Q vô hiệu một phần đối với phần tặng cho quyền sử dụng đất của ông O là 1/2 tổng diện tích đất trong hợp đồng;

Chia cho những người thừa kế của ông Q là bà X, ông T1, ông U và bà Y được quyền sử dụng 1.948,7 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 8-1, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP vẽ ngày 20/5/2018 và được quyền sử dụng 3.112,6 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 92-1, 93-1, 113-1, 114-1, 115-1, 116, 117, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 181-1, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP vẽ ngày 20/5/2018.

Chia cho ông H, ông T, ông L, ông P, ông Đ và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S được quyền sử dụng 1.461,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 65, xã V, huyện X, tại Khu 2 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4985/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018 và được quyền sử dụng 2.334,4 m<sup>2</sup> đất lúa màu thuộc thửa đất số 92-2, 93-2, 113-2, 114-2, 115-2, 94, 95, tờ bản đồ số 13 (thửa mới số 181-2, tờ bản đồ số 43), xã V, huyện X, tại Khu 2 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số hợp đồng 4986/TP/2018 do Công ty TNHH đầu tư thiết kế xây dựng đo đạc TP lập ngày 20/5/2018.

Các đương sự nêu trên có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự nêu trên phải chấp hành quy định của pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

#### 1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà X, ông U, ông T1 và bà Y phải chịu 6.816.500 đ (sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H; ông T; ông L; ông P; ông Đ và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S phải chịu 40.904.000 đ (bốn mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông H; ông L; ông P; ông T; ông M đã nộp 23.675.000 đ (hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000983 ngày 24/4/2015, AA/2014/0000984 ngày 24/4/2015, AA/2014/0000985 ngày 24/4/2015, AA/2014/0000986 ngày 24/4/2015 và AA/2014/0000373 ngày 13/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H; ông T; ông L; ông P; ông Đ và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S còn phải nộp 17.229.000 đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông H; ông T; ông L; ông P đối với Bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu chia đàn bò sữa. Phần quyết định của Bản án sơ thẩm đối với yêu cầu chia đàn bò sữa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông H; ông T; ông L; ông P và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H; ông T; ông L; ông P và những người thừa kế của ông M là bà B, bà G, ông V1, ông V2, ông S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông H; ông T; ông L; ông P và ông M mỗi người đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006047, AA/2016/0006048, AA/2016/0006049, AA/2016/0006050, AA/2016/0006051 ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM ;
- Các đương sự (16);
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Minh**